TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 02/2026/DS-ST
Ngày: 22/01/2026
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan;
Ông Phan Đình Xiềng.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hà Văn Sáng- Thư ký TAND Khu vực 9 - Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại Toà án nhân dân Khu vực 9 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST - DS, ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2025/QĐST - DS, ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn T, sinh năm 1962. Số CCCD: 042062002048.

Địa chỉ: Thôn F, xã I, Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976. Số CCCD: 042076002350 và bà Lê Thị N, sinh năm 1980. Số CCCD: 042180002366.

Cùng Địa chỉ: Thôn I, xã I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 18/12/2017 (âm lịch), ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N vay số tiền 43.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2018 (âm lịch) sẽ trả, còn lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 3,5%/tháng. Đến hẹn trả nợ ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông S và bà N không trả. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông S và bà N phải trả cho ông số tiền 43.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu ông S và bà N phải trả tiền lãi từ ngày vay là ngày 18/12/2017 (âm lịch) đến ngày 18/7/2025 (âm lịch) là 91 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng. Tổng tiền lãi là: 91 tháng x 43.000.000 đồng x 1% = 39.130.000 đồng. Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông S và bà N phải trả tiền lãi suất tính từ ngày 20/12/2018 (âm lịch) đến ngày

18/7/2025 (âm lịch) là 78 tháng 28 ngày, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông S và bà N không lên Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông S và bà N đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 43.000.000 đồng. Và tiền lãi tính từ ngày 20/12/2018 (âm lịch) đến ngày 18/7/2025 (âm lịch) là 78 tháng 28 ngày, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng, thành tiền là: 43.000.000 đồng x (78 tháng 28 ngày) x 0,83%/tháng = 28.171.306 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền thể hiện: Ngày 18/12/2017 (âm lịch), vợ chồng ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N có vay của ông Lê Văn T số tiền 43.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2018 (âm lịch) sẽ trả cả gốc và lãi. Ông S và bà N ký và ghi họ tên. Như vậy việc vay tiền là có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tóa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông S và bà N đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với vụ án và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn

giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 43.000.000 đồng.

Về lãi suất: Xét thấy, tại giấy mượn tiền thể hiện hai bên có thỏa thuận về tiền lãi suất, nhưng không thể hiện lãi suất bao nhiêu. Nguyên đơn cho rằng khi vay hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 3,5%/tháng. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất được xác định là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông T yêu cầu ông S và bà N phải trả tiền lãi từ ngày vay là ngày 18/12/2017 (âm lịch) đến ngày 18/7/2025 (âm lịch) là 91 tháng với mức lãi suất là 1%/tháng. Tổng tiền lãi là: 91 tháng x 43.000.000 đồng x 1% = 39.130.000 đồng. Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông S và bà N phải trả tiền lãi suất tính từ ngày 20/12/2018 (âm lịch) đến ngày 18/7/2025 (âm lịch) là 78 tháng 28 ngày, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

Từ ngày 20/12/2018 (âm lịch) đến ngày 18/7/2025 (âm lịch) là 78 tháng 28 ngày = 2.368 ngày: 43.000.000 đồng x 0,83%/30 ngày x 2.368 ngày = 28.171.306 đồng.

Tổng cộng nợ gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 43.000.000 đồng + 28.171.306 đồng = 71.171.306 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 71.171.306 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.558.565 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.053.250 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001073, ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND KV 9;
-Phòng THADS KV9;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa